

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày: 24/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K - Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2019/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 10/9/2019 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Nguyễn Minh Đ** (tên gọi khác: Nguyễn Văn B), sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 6, xã KĐ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phương C và bà Đỗ Thị H; có vợ là Phạm Thị L, đã ly hôn và 02 con;

Tiền án: không;

Tiền sự: ngày 26/7/2010 bị Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 3066 đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng. Bị cáo chấp hành từ 26/7/2010 đến 22/01/2011 thì bỏ trốn. Ngày 04/7/2011 Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Ninh Bình đã ra Quyết định truy tìm đối với bị cáo, đến nay bị cáo chưa thi hành xong.

Lịch sử bản thân:

Ngày 24/5/2015 bị công an thị xã T, tỉnh Ninh Bình lập danh chỉ bản xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hiện hồ sơ lưu trữ bị thất lạc, không thu thập được;

- Ngày 20/12/2006 bị TAND huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 06 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đã nộp án phí và chấp hành xong hình phạt ngày 09/5/2008;

- Ngày 06/3/2012 bị TAND quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đã nộp xong án phí và chấp hành xong hình phạt ngày 14/3/2013.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/5/2019, chuyển tạm giam ngày 29/5/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bị hại:

- Vợ chồng bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970, ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1965; Trú tại xóm 2, xã KĐ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bà M ủy quyền cho ông Ch (đều vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; Trú tại xóm 7B, xã CT, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lại Văn C, sinh năm 1985; Trú tại xóm 9, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

- Anh Đoàn Văn M, sinh năm 1989; Trú tại xóm 11, xã ĐH, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H1, bà Trần Thị N, anh Nguyễn Xuân Q và anh Trần Văn M1 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 22 giờ ngày 27/5/2019 bị cáo Nguyễn Minh Đ mang theo bộ vạm phá khóa tự chế đi lang thang tại khu vực xã CT nhằm mục đích tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Khoảng 23 giờ cùng ngày, tại xóm 8B xã CT thấy tại lều nuôi thủy sản của anh H có chiếc xe mô tô dựng trong lều không có người trông coi, bị cáo dùng vạm phá khóa mở khóa cổ và khóa điện của xe sau đó nổ máy đưa xe đến nhà anh Đoàn Văn M ở xóm 11, xã ĐH bán cho anh M với giá 1.500.000đ, nhưng anh M mới trả cho bị cáo 1.000.000đ, còn nợ lại 500.000đ. Số tiền bán xe cho anh M bị cáo đã tiêu sài cá nhân chỉ còn lại 381.000đ. Ngày hôm sau sợ hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện, bị cáo đã đến công an huyện K tự thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho cơ quan công an công cụ bị cáo đã dùng phạm tội gồm 01 còlê8, 01 vạm phá khóa cùng với 01 chiếc kính râm và số tiền 381.000đ. Cơ quan công an đã thu giữ được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, BKS 35H2-2065 mà bị cáo trộm cắp bán lại cho anh Đoàn Văn M.

Kết luận định giá tài sản số 26/HĐ-ĐG ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kim Sơn kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, BKS 35H2-2065 có giá trị còn lại là 3.560.000đ; Riêng chiếc kính râm giá trị không đáng kể nên không tiến hành trưng cầu định giá.

Quá trình điều tra bị cáo còn tự khai nhận: khoảng 6 giờ ngày 25/5/2019 bị cáo đi bộ đến nhà anh Vũ Văn Ch ở xóm 2, xã KĐ thấy chiếc xe mô tô Honda Wave S, BKS 35N8-4308 của gia đình anh Ch dựng ở trước cửa nhà, chìa khóa xe cắm ở ổ khóa cốp, không có người trông coi, bị cáo đã lấy trộm xe đưa lên huyện YK bán cho anh Lại Văn C ở xóm 9, xã KT, huyện YK với giá 1.800.000đ sau đó tiêu sài hết. Ngày 02/6/2019 cơ quan công an huyện Kim Sơn đã thu giữ được chiếc xe trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 27/HĐ-ĐG ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, BKS 35N8-4308 có giá trị còn lại là 2.640.000đ.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 08/8/2019 VKSND huyện Kim Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B) về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản

1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B) từ 15 - 18 tháng tù.

Áp dụng Điều 42 BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết về trách nhiệm dân sự;

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ và biện pháp tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức B) hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Nội dung bị cáo khai, bản thân là người nghiện ma túy, do không có tiền tiêu sài nên đêm 27/5/2019 bị cáo đi bộ từ nhà ở xóm 6, xã KĐ theo đê B I hướng về xã CT nhằm mục đích thấy nhà dân nào sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản của họ bán lấy tiền tiêu sài. Khi bị cáo đang lang thang ở khu vực xã CT thì phát hiện có một chiếc lều trên bãi cát, bên trong lều có chiếc xe máy mà không có ai trông coi, bị cáo đi vào trong lều, dùng cò lê và vạm phá khóa đem theo sẵn từ trước để phá khóa cổ và khóa điện của xe, sau đó đưa xe đến nhà anh M ở xã ĐH làm nghề sửa chữa xe máy bán cho anh M với giá 1.500.000đ, anh M trả trước cho bị cáo 1.000.000đ, còn nợ 500.000đ, bị cáo nhận tiền và sử dụng tiêu sài cho cá nhân. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, biết không thể trốn tránh được bị cáo đã đến cơ quan công an tự thú về hành vi trộm cắp ngày 27/5/2019 tại xã CT và tự thú về hành vi trộm cắp trước đó vào ngày 25/5/2019 tại xóm 2, xã KĐ.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo, biên bản sự việc, tiếp nhận tố giác tin báo về tội phạm, biên bản làm việc, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, vật chứng cũng như kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Sơn về giá trị các xe mô tô mà bị cáo đã trộm cắp...

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 3.560.000đ và 2.640.000đ, tổng giá trị tài sản trộm cắp của hai lần là 6.200.000đ, bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B) đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ, sau đó đem đi tiêu thụ nhằm phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS ; Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an tự thú, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình và tự thú về hành vi phạm tội trước đó; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm r , s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuy không lớn nhưng phạm tội nhiều lần; nhân thân của bị cáo là người sử dụng ma túy, không có công ăn việc làm ổn định và mặc dù đã nhiều lần bị xử lý hình sự, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[4] Về trách nhiệm dân sự: những người bị hại đã được nhận lại tài sản là xe mô tô cùng giấy tờ kèm theo, đến nay những người bị hại không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường đối với bị cáo, do vậy trách nhiệm bồi thường của bị cáo đối với những người bị hại không cần xem xét đến nữa.

Đối với số tiền bị cáo bán các xe mô tô trộm cắp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị cáo đã tiêu sài hết, đây là quan hệ giao dịch dân sự bất hợp pháp nhưng ngay tình vì những người nhận mua các xe mô tô không biết các xe mô tô trên là do bị cáo trộm cắp mà có, sau này họ đã giao lại các xe mô tô trên cho cơ quan điều tra để trả lại cho những người bị hại, nay anh Lại Văn C yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 1.800.000đ là tiền anh mua xe mô tô từ bị cáo, riêng số tiền 1.030.000đ anh bỏ ra để sửa chữa, thay thế phụ tùng anh không yêu cầu, vì vậy cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền 1.800.000đ cho anh C. Đối với số tiền 1.000.000đ bị cáo bán xe trộm cắp cho anh M, nay anh M không đề nghị, nhưng đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu từ bị cáo số tiền trên để sung quỹ nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án bao gồm trả lại cho vợ chồng bà M ông Ch giấy tờ xe và chiếc xe mô tô BKS 35N8 – 4308 ; trả cho anh H giấy tờ xe và chiếc xe mô tô BKS 35H2-2065 cùng chiếc kính râm màu đen. Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K số tiền 381.000đ; 01 cờ lê 8 và 01 thanh kim loại. Trong đó số tiền 381.000đ là tiền bị cáo giao nộp từ tiền bán tài sản trộm cắp nay cần tịch thu sung quỹ nhà nước vì vậy cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Đối với chiếc cờ lê 8 và 01 thanh kim loại bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo là đối tượng thuộc diện hộ nghèo vì vậy được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm r,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B) 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 28/5/2019.

+ Áp dụng Điều 42 BLHS; Các Điều 584,585,586,589 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải trả lại cho anh Lại Văn C số tiền 1.800.000đ.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu từ bị cáo số tiền 1.000.000đ do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước (bị cáo đã giao nộp 381.000đ, còn phải thu tiếp từ bị cáo số tiền 619.000đ).

- Tiếp tục quản lý số tiền 381.000đ thu giữ từ bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 cờ lê 8 bằng kim loại và 01 thanh kim loại đã thu giữ (chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn ngày 09/8/2019).

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Nguyễn Minh Đ (tức Nguyễn Văn B).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không thanh toán khoản tiền phải trả nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã KĐ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Mạnh

